**BIỂU SỐ 02**

**DỰ KIẾN KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG 01 NĂM**

*(kèm theo Bản thuyết minh)*

**I. DỰ KIẾN KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG 01 NĂM ĐỐI VỚI SỞ TƯ PHÁP**

*Đơn vị: Nghìn đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi tại dự thảo Nghị quyết** | **Dự kiến tổng kinh phí ngân sách cấp tỉnh phải bố trí trong 01 năm cho Sở Tư pháp** |
| **A** | **KINH PHÍ CHI CHO QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT VĂN BẢN (TẬP HUẤN, KIỂM TRA THEO ĐỊA BÀN,...)[[1]](#footnote-1)** |  |  |  |
| I | Chi cho công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL | Hội nghị |  | 30.000 |
| II | Chi công tác phí cho kiểm tra văn bản theo địa bàn | Cuộc |  | 2.000 |
| III | Chi in Tập hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh ban hành[[2]](#footnote-2) | Cuốn |  | 30.000 |
| IV | Chi đặc thù |  |  |  |
| 1 | Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật |  |  |  |
| a | Chủ trì cuộc họp | 01 người x 10 cuộc/năm | 150 | 1.500 |
| b | Các thành viên tham dự | 10 người x 10 cuộc/năm | 100 | 10.000 |
| 2 | Chi lấy ý kiến chuyên gia[[3]](#footnote-3) | 01 văn bản/năm (vb được xin ý kiến) | 1.500 | 1.500 |
| 3 | Chi soạn thảo, viết báo cáo |  |  |  |
|  | Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản. | 05 báo cáo/năm | 5.000 | 25.000 |
| Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp | 02 báo cáo/năm | 400 | 800 |
| 4 | Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP |  |  |  |
|  | - Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật | 10 văn bản/năm | 250 | 2.500 |
|  | - Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật | 01 văn bản/năm | 500 | 500 |
| 5 | Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn | 10 văn bản/năm | 200 | 2.000 |
| 6 | Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản | 01 văn bản |  |  |
| a | Mức chi chung | 05 văn bản/năm | 300 | 1.500 |
| b | Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp | 02văn bản/năm | 600 | 1.200 |
| 7 | Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản | 05 văn bản/năm | 250 | 1.250 |
| 8 | Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản |  |  |  |
| a | Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản; | 02 văn bản/năm | 250 | 500 |
| b | Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật |  |  |  |
| - Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn | 02 tài liệu/năm | 70 | 140 |
| 9 | Chi làm thêm giờ | 05 người x 05 ngày x 800.000 đồng/người/ngày |  | 20.000 |
| **Tổng số:** | **130.390** |
| **B** | **CHI CHO CÔNG TÁC HỆ THỐNG HOÁ VĂN BẢN (05 năm 01 lần)** |  |  |  |
| 1 | Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật |  |  |  |
| a | Chủ trì cuộc họp | 01 người x 05 cuộc | 150 | 750 |
| b | Các thành viên tham dự | 10 người x 05 cuộc | 100 | 5.000 |
| 2 | Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả, hệ thống hóa văn bản | 01 báo cáo | 5.000 | 5.000 |
| 3 | Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội | 20 văn bản | 200 | 4.000 |
| 4 | Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP | 400 văn bản | 150 | 60.000 |
| **Tổng số:** | **74.750** |

Như vậy, dự kiến kinh phí bố trí 01 năm cho Sở Tư pháp là: 130.390.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng). Nếu trong năm có thực hiện hệ thống hoá, kinh phí dự kiến sẽ là: 130.390.000 + 74.750.000 = 205.140.000 *(Hai trăm linh năm triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng)*./.

**II. DỰ KIẾN KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA,**

**XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HOÁ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG 01 NĂM TẠI CÁC**

**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**

*Đơn vị: Nghìn đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **ĐV tính** | **Mức chi tại dự thảo nghị quyết** | **Dự kiến tổng kinh phí ngân sách cấp tỉnh phải bố trí** |
| **A** | **CHI CHO CÔNG TÁC RÀ SOÁT VĂN BẢN**  |  |  |  |
| **1** | **Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ rà soát văn bản; họp xử lý, rà soát văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật** |  |  |  |
| a | Chủ trì cuộc họp | 01 người x 02 cuộc/năm | 150 | 300 |
| b | Các thành viên tham dự | 10 người x 02 cuộc/năm | 100 | 2.000 |
| **2** | **Chi lấy ý kiến chuyên gia** | 01 văn bản/năm (văn bản được xin ý kiến) | 1.500 | 1.500 |
| **3** | **Chi soạn thảo, viết báo cáo** |  |  |  |
|  | Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản. | 01 báo cáo/năm | 2.000 | 2.000 |
| Báo cáo đánh giá về văn bản mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp | 01 báo cáo/năm | 400 | 400 |
| **4** | **Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn** | 05 văn bản/năm | 200 | 1.000 |
| **Tổng số:** | **7.200** |
| **B** | **CHI CHO CÔNG TÁC HỆ THỐNG HOÁ VĂN BẢN (05 NĂM 01 LẦN)** |  |  |  |
| 1 | Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật |  |  |  |
| a | Chủ trì cuộc họp | 01 người x 01 cuộc | 150 | 150 |
| b | Các thành viên tham dự | 10 người x 01 cuộc | 100 | 1.000 |
| 2 | Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản | 01 báo cáo | 2.000 | 2.000 |
| 3 | Chi rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội | 10 văn bản | 200 | 2.000 |
| **Tổng số:** | **5.150** |
| Dự kiến kinh phí 01 năm tỉnh phải bố trí cho các sở, ban, ngành của tỉnh thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản là: **7.200 nghìn đồng x 24 đơn vị** *(14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh + Thanh tra tỉnh + Ban Dân tộc tỉnh + Văn phòng UBND tỉnh + Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh + Công an tỉnh + Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh + Cục Thuế tỉnh + Kho bạc Nhà nước tỉnh + Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn + Vườn Quốc gia Ba Bể)* **= 172.800 nghìn đồng** *(Một trăm bảy mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).* |
| Nếu trong năm có thực hiện hệ thống hoá, dự kiến kinh phí tỉnh phải bố trí 01 năm cho các sở, ban, ngành của tỉnh là: **(7.200 + 5.150 = 12.350) x 24 đơn vị = 296.400 nghìn đồng** *(Hai trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)* |

1. Trong giai đoạn 2018-2022, trung bình 01 năm thực hiện một hội nghị tập huấn và 01 cuộc kiểm tra theo địa bàn về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật. Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội, đơn vị lực lượng vũ trang có sử dụng ngân sách tỉnh Bắc Kạn, kinh phí để tổ chức 01 hội nghị khoảng 30.000.000 đồng; 01 cuộc kiểm tra khoảng 2.000.000đồng. [↑](#footnote-ref-1)
2. Mỗi năm in 150 cuốn để gửi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương. [↑](#footnote-ref-2)
3. Trong những năm qua, chưa thực hiện chi nội dung này do chưa có phát sinh trên thực tiễn. [↑](#footnote-ref-3)